

Số /TB-THCSĐC

Đông Triều, ngày 05 tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO

Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường
về thông tin kết quả giáo dục thực tế năm học 2023-2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp7	Lớp 8	Lớp9
I	Thông tin chung:					
1	Kết quả tuyển sinh	268	80	66	50	72
2	Tổng số học sinh theo từng khối	263	79	65	49	70
3	Số HS bình quân/lớp theo từng khối		39,5	32,5	24,5	
4	Số lượng HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0
5	Số lượng HS nam/ HS nữ	125/263	37/79	29/65	24/49	35/70
6	Số HS là người dân tộc thiểu số	4	0	2	0	2
7	Số HS khuyết tật	3	0	1	0	2
8	Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS:					
	+ Số lượng HS chuyển đi	5	1	1	1	2
	+ Số lược HS tiếp nhận chuyển đến	0	0	0	0	0
II	Thông kê kết quả đánh giá học sinh					
	1. Số HS chia theo Hạnh kiểm/ Rèn luyện					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	229 87,07%	67/79 84,81%	54/65 83,08%	43/49 87,76%	65/70 92,86%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	34 12,93%	12/79 15,19%	11/65 16,92%	6/49 12,24%	5/70 7,14%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	2. Số HS chia theo Học lực/ Học tập					
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	51 19,39%	13 16,46%	10 15,38%	11 22,45%	17 24,29%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	104 39,54%	36 45,57%	22 33,85%	21 42,86%	25 35,71%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	104 39,54%	27 34,18%	33 50,77%	16 32,65%	28 40%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 1,52%	3 3,8%	0	1 2,04%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
	3. Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	259	76	65	48	70

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	3 1.6%	2 2.5%	0	1 2,0%	
b	Học sinh giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	48 18,25%	11 13,9%	10 15.38%	10 20,4%	17 24,29%
c	Học sinh tiên tiến (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					25 35,71%
2	Thi lại (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	4/263 1,52%	3/79 3,8%	0	1/49 2,0%	0
3	Lưu ban (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					
4	Bị đuổi học (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)					
III	Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình					
IV	Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp					
	Giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	17 24,29%				17 24,29%
	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	25 35,71%				25 35,71%
	Trung bình (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	28 40%				28 40%
V	Số lượng HS trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp (Tỉ lệ/số học sinh)	31				27,4

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Thủy